

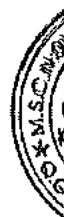
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính 2016 kết thúc 31/12/2016

**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC	1 - 3
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016	6 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính 2016 bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016	11 - 12
- Thuyết minh các báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016	13 - 27



TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc trình bày báo cáo của mình kết hợp với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1- Khái quát về Công ty

Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn là doanh nghiệp nhà nước (từ tháng 1 đến tháng 8/2010); là Công ty TNHH MTV (từ tháng 9 đến tháng 12). Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000014 đăng ký lần đầu ngày 03/12/2003, đăng ký thay đổi số 0303158155 ngày 23/08/2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 24/10/2013 do Sở kế hoạch đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303158155 đăng ký lần đầu ngày 24/10/2013, lĩnh vực hoạt động của Công ty là: Hoạt động in ấn: in trên giấy, bao bì, văn hóa phẩm các loại (báo chí, vé số, nhãn hàng hóa, sách giáo khoa). Kinh doanh giấy in, mực in, vật tư, phụ tùng, trang thiết bị ngành in. Sản xuất, sửa chữa, bảo trì, tân trang và kinh doanh các máy móc cơ khí ngành in. Đúc chữ, chế bản in. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm băng từ, đĩa hình như băng cassette, băng video, đĩa CD, VCD. Kinh doanh vật phẩm văn hóa các loại. Sản xuất kinh doanh các sản phẩm mỹ thuật như gỗ chạm, sơn mài, gốm sứ,... Sản xuất phim nhựa, phim video các thể loại. Hoạt động chiếu bóng và phát hành phim. Sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực nhiếp ảnh như giấy ảnh, phim chụp, máy ảnh, dịch vụ chụp hình. Xuất nhập khẩu các sản phẩm văn hóa. Hoạt động quảng cáo và dịch vụ quảng cáo. Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác. Hoạt động in ấn: in tờ gấp, tờ quảng cáo, catalogue, tạp chí và các chất liệu in khác. Gia công cắt giấy cuộn. Vận chuyển máy móc thiết bị cơ khí ngành in. Mua bán trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, hàng điện tử, kim khí điện máy. Sản xuất đĩa DVD (có nội dung được phép lưu hành), linh kiện sản xuất băng, đĩa nhạc. Lắp ráp hàng điện tử, kim khí điện máy. Mua bán quần áo may sẵn trẻ em, thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ gia dụng, đồ nhựa các loại, thủy tinh các loại. Mua bán, sản xuất chế biến lương thực, thực phẩm công nghệ, hóa mỹ phẩm, đồ dùng trẻ em, đồ dùng gia đình, thiết bị văn phòng. Sản xuất mua bán nhựa, hạt màu và bao bì nhựa các loại (không sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống, thực phẩm công nghệ, chất tẩy rửa tại trụ sở). Mua bán rượu, bia, bánh kẹo, thuốc lá điếu sản xuất trong nước. Đại lý ký gởi hàng hóa. Kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại Tp. Hồ Chí Minh). Phục vụ cà phê sách – tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp – nhạc jazz và nhạc dân gian Việt Nam (hoạt động tại số 28 Lê Lợi, P. Bến Nghé, Q.1). Bán tranh hội họa. Xuất bản các xuất bản phẩm theo quyết định số 01/QĐ-BVHTT ngày 04/01/2005 của Bộ Văn Hóa Thông Tin. Thiết kế tạo mẫu. Cho thuê văn phòng làm việc, nhà xưởng, kho bãi (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt). Nhà hàng ăn uống (tại số 40 Ngô Đức Kế, P. Bến Nghé, Q.1, không kinh doanh rượu).

Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành). Kinh doanh khách sạn (phải đạt tiêu chuẩn sao và không kinh doanh khách sạn tại trụ sở). Xây dựng nhà các loại. Bán buôn văn phòng phẩm. Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ, đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Hoạt động phục vụ hôn lễ (trừ môi giới kết hôn).

Trụ sở chính của Công ty: 88 Trần Đình Xu, P. Cô Giang, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh.

Các chi nhánh trực thuộc:

- Công ty Xuất nhập khẩu Ngành In Tp. Hồ Chí Minh
- Công ty In Văn Hóa Sài Gòn
- Trung tâm văn hóa Tân Định

179
CH
AT
NG
470
HÀNG
VAP

- Cây sứ quán Phong Cua
- Cửa hàng ảnh màu photo Lập
- Trung tâm dịch vụ giải trí Lê Lợi

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Tổng Công ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV và công ty con - Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu.

2- Thông tin về tài khoản ngân hàng:

- | | |
|------------------------------|-----------------------------|
| • TK USD số 6222201001057 | tại Agribank (CN Quận 5) |
| • TK JPY số 6222201001483 | tại Agribank (CN Quận 5) |
| • TK EUR số 6222201006832 | tại Agribank (CN Quận 5) |
| • TK VND số 6222201132243 | tại Agribank (CN Quận 5) |
| • TK VND số 6222201001011 | tại Agribank (CN Quận 5) |
| • TK VND số 2011103226006 | tại Mbbank (CN Bắc Sài Gòn) |
| • TK VND số 102010000103765 | tại Vietinbank (CN1 HCM) |
| • TK USD số 102020000012972 | tại Vietinbank (CN1 HCM) |
| • TK VND số 0687041054999 | tại Bản Việt bank |
| • TK VND số 0010106186710002 | tại SCBbank (CN Cống Quỳnh) |
| • TK VND số 6222201009401 | tại NH NN & PT Nông Thôn |
| • TK VND số 0020100000095002 | tại NH TMCP Phương Đông |
| • TK VND số 0010106058330001 | tại SCB - CN Cống Quỳnh |
| • TK VND số 102010000628240 | tại VietinBank |
| • TK VND số 102010001554168 | tại VietinBank |
| • TK VND số 0071000011801 | tại Vietcombank |
| • TK VND số 6222201002095 | tại AgriBank |
| • TK VND số 6222630020781 | tại AgriBank |
| • TK VND số 6222630021840 | tại AgriBank |
| • TK USD số 6222201002116 | tại AgriBank |
| • TK EUR số 6222201006826 | tại AgriBank |
| • TK JPY số 6222201002565 | tại AgriBank |
| • TK USD số 71370314410 | tại Vietcombank |

3- Các sự kiện trong năm tài chính , các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính: Không có

4- Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Các thành viên Hội đồng thành viên đang tại chức vào ngày lập báo cáo này gồm:

- | | |
|----------------------|------------|
| Ông: Phạm Công Nghĩa | Chủ tịch |
| Ông: Trương Văn Hiền | Thành viên |

Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc đang tại chức vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|----------------------|---------------|
| Ông: Trương Văn Hiền | Tổng giám đốc |
|----------------------|---------------|

Ông: Nguyễn Văn Tuấn

Phó Tổng giám đốc

Ông: Vũ Trọng Phúc

Phó Tổng giám đốc

Ông: Nguyễn Văn Còn

Phó Tổng giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm Soát đang tại chức vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Nguyễn Văn Hoạch

Kiểm soát viên

5- Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2016 (Đơn vị tính : VND)

a. Tổng thu nhập	:	498.199.847.829
b. Các khoản giảm trừ doanh thu	:	377.422.538
c. Tổng chi phí và giá vốn	:	467.653.428.668
d. Lãi (lỗ) trước thuế (a-b-c)	:	30.168.996.623
e. Thuế thu nhập doanh nghiệp	:	141.570.760
f. Lãi (lỗ) sau thuế (d-e)	:	30.027.425.863

6- Kiểm toán viên

Chi nhánh miền Nam Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn và bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty trong những năm tiếp theo.

7- Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi khẳng định rằng ngoài các sự kiện phát sinh sau năm tài chính nêu trên, không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

TM. Ban Giám Đốc

Tổng Giám Đốc



Trương Văn Hiến

Ngày 04 tháng 04 năm 2017





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K CHI NHÁNH MIỀN NAM

THANG LONG - T.D.K AUDITING & VALUATION CO.,LTD (SOUTHERN BRANCH)

Office: C14, Quang Trung, P.11, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 3589 7462/ 63 - (84.8) 2216 4309

Fax: (84.8) 3589 7464

Email: kiemtoantdk@gmail.com

Website: www.kiemtoanhanglongtdk.com.vn

Số : 05516/TDK - KT

Ngày 04 tháng 04 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016
của Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc.

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính của Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV (dưới đây gọi tắt là Công ty) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, được trình bày từ trang 6 đến trang 27 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám Đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do có gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám Đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Trụ sở chính	: Sân KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT CAHN, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.	Tel: 04.4450 0668	Fax: 04.4450 0669
Chi nhánh Miền Nam	: C14, Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Tel: 08.3589 7462	Fax: 08.35897464
Chi nhánh Đồng Nai	: E180 Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai	Tel: 061.3918 769	Fax: 061.3918 767
Chi nhánh Đà Nẵng	: Số 42 Trần Tống, Phường Thạch Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	Tel: 0511.365 1818	Fax: 0511 365 1868
Chi nhánh Hà Nội	: Số 97, Ngõ 141, Phố Giáp Nhị, Phường Thịnh Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội	Tel: 04.3540.9439	Fax: 04.3540 9439
Chi nhánh Lạng Sơn	: Số 319 Bà Triệu, Phường Vinh Trại, TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn	Tel: 025.3718 545	Fax: 025.3716 264

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do hạn chế từ phía đơn vị, chúng tôi đã không thể gửi thư xác nhận công nợ của đơn vị. Ngoài ra, chúng tôi không thể sử dụng các biện pháp thay thế khác để khẳng định tính hiện hữu của các khoản mục này tại ngày 31/12/2016. Vì vậy, chúng tôi chỉ kiểm tra tính hợp lý của các khoản mục này trên cơ sở chứng từ, sổ sách và các tài liệu liên quan do Công ty cung cấp.

Số liệu đầu kỳ trên báo cáo tài chính hợp nhất lấy theo số liệu báo cáo tài chính hợp nhất chưa được kiểm toán của đơn vị.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đã nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", xét trên phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm theo đây đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của **Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV** tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Trong năm 2016 đơn vị có ghi nhận tặng TSCD là giá trị công trình khách sạn Quê Hương Liberty trị giá 345.865.340.970 VND căn cứ theo hợp đồng hợp tác với công ty CP Sài Gòn Quê Hương và báo cáo kiểm toán xây dựng hoàn thành của Công ty Kiểm toán AISC.

NGUYỄN THỊ YẾN

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 3217-2015-045-1



NGUYỄN KHÁNH TUYỀN

Phó Giám đốc Chi nhánh Miền Nam

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0228-2014-045-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm Toán & Định Giá Thăng Long - TDK



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		379.905.274.989	374.406.050.568
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	116.262.253.069	85.947.077.145
	1. Tiền	111		99.762.253.069	84.947.077.145
	2. Các khoản tương đương tiền	112		16.500.000.000	1.000.000.000
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
	1. Chứng khoán kinh doanh	121			
	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		148.863.197.642	203.485.409.742
	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	103.547.907.542	175.553.165.899
	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	2.980.292.356	17.963.108.056
	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
	6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	42.334.997.744	22.542.392.036
	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.03		(13.890.295.984)
	8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05		1.117.039.735
IV	Hàng tồn kho	140	V.07	79.938.969.716	51.486.039.330
	1. Hàng tồn kho	141		80.089.783.761	52.139.002.852
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(150.814.045)	(652.963.522)
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		34.840.854.562	33.487.524.351
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	3.095.391.577	1.359.742.452
	2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		26.102.397.163	28.916.346.689
	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	5.643.065.822	3.211.435.210
	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
	5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		645.031.802.960	644.246.901.257
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		74.921.775.475	35.442.568.889
	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	8.086.521.975	84.646.950
	2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03	32.184.251.822	32.184.251.822
	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
	4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
	5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
	6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04	34.651.001.678	3.173.670.117
	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II	Tài sản cố định	220		409.181.237.007	74.533.205.239
	1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	409.181.237.007	74.533.205.239
	<i>Nguyên giá</i>	222		506.205.642.056	156.949.252.259
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(97.024.405.049)	(82.416.047.020)
	2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
	<i>Nguyên giá</i>	225			
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226			
	3. Tài sản cố định vô hình	227			
	<i>Nguyên giá</i>	228	V.10	60.000.000	60.000.000
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(60.000.000)	(60.000.000)
III	Bất động sản đầu tư	230			
	<i>Nguyên giá</i>	231			
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232			
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	20.727.943.668	369.137.121.188
	1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		20.727.943.668	369.137.121.188
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	130.816.660.846	151.277.327.099
	1. Đầu tư vào công ty con	251			
	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		114.565.470.646	131.301.390.646
	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.751.190.000	23.120.355.179
	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			(3.144.418.726)
	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		500.000.000	
VI	Tài sản dài hạn khác	260		9.384.186.164	13.856.678.842
	1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	9.384.186.164	13.856.678.842
	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
	4. Tài sản dài hạn khác	268			
	5. Lợi thế thương mại	269			
	<i>Lợi thế thương mại</i>				
	<i>Hao mòn lũy kế lợi thế thương mại</i>				
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		1.024.937.077.949	1.018.652.951.825

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C	NỢ PHẢI TRẢ	300		550.867.833.650	563.388.574.860
I	Nợ ngắn hạn	310		130.716.673.424	153.885.418.419
	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	28.776.837.394	32.380.920.024
	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	3.114.460.261	6.217.631.360
	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	79.773.480	265.135.380
	4. Phải trả người lao động	314		10.096.695.358	(1.047.961.010)
	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		402.567.852	261.972.653
	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
	9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.934.492.022	1.289.699.108
	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	84.013.741.732	114.366.377.468
	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	2.298.105.325	151.643.436
	13. Quỹ bình ổn giá	323			
	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
II	Nợ dài hạn	330		420.151.160.226	409.503.156.441
	1. Phải trả người bán dài hạn	331			282.000
	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		34.200.000	34.200.000
	3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
	5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16	3.534.702.196	3.735.200.159
	7. Phải trả khác dài hạn	337	V.15	410.783.586.030	398.022.802.282
	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	4.828.000.000	7.240.000.000
	9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
	10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
	12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		(29.328.000)	(29.328.000)
	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.15	1.000.000.000	500.000.000

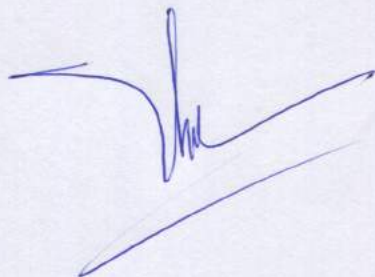
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính : VND

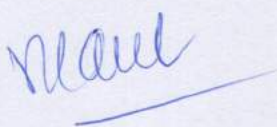
NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		474.069.244.299	455.264.376.965
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.17	474.069.244.299	455.264.376.965
	1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		394.167.633.424	374.040.910.925
	2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
	4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		263.230.853	263.230.853
	5. Cổ phiếu quỹ	415			
	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
	8. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.982.891.433	32.758.357.507
	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		50.447.127.708	48.078.882.808
	10. Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	420			
	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.208.360.881	122.994.872
	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II	Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
	1. Nguồn kinh phí	431			
	2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		1.024.937.077.949	1.018.652.951.825

Ngày 31 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Huỳnh Thanh Tường Khanh

Tổng Giám Đốc



Trương Văn Hiền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính : VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	418.912.585.934	405.089.770.299
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	377.422.538	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		418.535.163.396	405.089.770.299
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	338.552.646.213	348.988.823.215
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		79.982.517.183	56.100.947.084
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	68.470.827.853	23.247.635.293
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	6.502.266.870	8.502.606.238
	Trong đó : Chi phí lãi vay	23			
8.	Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			12.880.019.114
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	17.954.878.690	19.796.159.827
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	83.051.689.373	33.552.360.908
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.944.510.103	30.377.474.518
12.	Thu nhập khác	31	VI.06	10.816.434.042	9.042.301.124
13.	Chi phí khác	32	VI.07	21.591.947.522	3.755.345.189
14.	Lợi nhuận khác	40		(10.775.513.480)	5.286.955.935
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.168.996.623	35.664.430.453
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	141.570.760	2.434.575.894
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		30.027.425.863	33.229.854.559
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61			
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			



Ngày 31 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



Huỳnh Thanh Tường Khanh

Trương Văn Hiền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính : VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ & doanh thu khác	1	393.249.109.825	354.352.969.481
	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(222.483.854.679)	(264.630.139.949)
	3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(27.702.162.644)	(27.203.236.097)
	4. Tiền lãi vay đã trả	4	(4.793.548.720)	(7.024.722.867)
	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(2.731.219.039)	(3.716.992.957)
	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	439.077.028.447	334.130.925.771
	7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	7	(546.063.630.574)	(482.839.250.696)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	28.551.722.618	(96.930.447.314)
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(42.218.446.167)	(40.569.369.967)
	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	2.464.573.377	1.377.025.168
	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(269.395.274.755)	(208.967.122.187)
	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	253.445.274.755	239.520.108.066
	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	29.555.500.000	6.472.269.354
	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.624.302.627	16.607.640.861
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.524.070.163)	14.440.551.295
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	2.368.255.900	1.930.464.600
	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(16.235.791.220)
	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	230.271.902.938	317.993.999.440
	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(212.272.265.971)	(204.666.602.087)
	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.087.856.741)	(18.195.526.474)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	10.280.036.126	80.826.544.259

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016


Đơn vị tính : VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	30.307.688.579	(1.663.351.760)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	85.947.077.145	87.614.406.381
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	7.487.345	(3.977.476)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	116.262.253.069	85.947.077.145

Ngày 31 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Huỳnh Thanh Tường Khanh



Tổng Giám Đốc

Trương Văn Hiến

001
NH
A.M
TNH
ĐINH
-T.D.
50

**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B09 - DN

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2016

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn là doanh nghiệp nhà nước (từ tháng 1 đến tháng 8/2010); là Công ty TNHH MTV (từ tháng 9 đến tháng 12). Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000014 đăng ký lần đầu ngày 03/12/2003, đăng ký thay đổi số 0303158155 ngày 23/08/2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 17/09/2015 do Sở kế hoạch đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

2. Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất, gia công, thương mại dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh giấy in, mực in, vật tư, thiết bị ngành in, hoạt động in ấn, sửa chữa máy móc...

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính
Không có

5. Cấu trúc doanh nghiệp

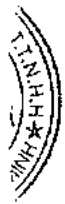
- Danh sách các công ty con: Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu
- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết
 - + Công ty TNHH MTV Vật Phẩm Văn Hóa Sài Gòn
 - + Công ty CP TT Điện Ảnh
 - + Công ty CP In số 4
 - + Công ty CP In số 7
 - + Công ty TNHH TMDV VH Minh Châu
 - + Công ty TNHH Hakuhodo - Sac
 - + Công ty TNHH Hakuhodo Việt Nam
 - + Công ty CP Bao Bì Vafaco
 - + Công ty CP Phát hành sách Tp.HCM
 - + Công ty CP In & Vật tư Sài Gòn
 - + Công ty CP In Gia Định
 - + Công ty CP Quảng cáo Sài Gòn
 - + Công ty CP In Vườn Lài
 - + Công ty CP In Hoàng Lê Kha - Tây Ninh
 - + Công ty CP Mỹ Thuật Sài Gòn
 - + Công ty TNHH Quả Cầu Vàng
 - + Công ty CP Sách & DV VH Tây Đô
- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:
 - + Công ty In Văn Hóa Sài Gòn
 - + Công ty Xuất Nhập Khẩu Ngành In Tp.Hồ Chí Minh
 - + Trung tâm văn hóa Tân Định
 - + Cửa hàng ảnh màu photo Lập
 - + Cây sứ quán Phong Cua
 - + Trung tâm dịch vụ giải trí Lê Lợi

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ VÀ NGÔN NGỮ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Ngôn ngữ sử dụng trong ghi chép kế toán: tiếng Việt Nam.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)



**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B09 - DN

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2016

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo thông tư 200/2014-TT-BTC ngày 22/12/2014, thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đã biết rằng cho đến nay đã có 26 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuân thủ các quyết định và thông tư về các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn Hệ thống Kế toán Việt Nam, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập các Báo cáo tài chính.

3. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Bộ tài chính ban hành thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ 01/01/2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Ngân hàng phát sinh giao dịch
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

2. Nguyên tắc ghi nhận khoản tiền và tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.
- Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư và có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán khoản phải thu

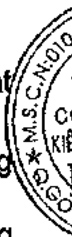
Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng nợ khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm lập báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 12 tháng được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng được phân loại là tài sản dài hạn

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn giữa gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho



**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B09 - DN

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2016

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

Công ty sử dụng phương pháp tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là khoản dự tính trước để đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh phần giá trị bị giảm xuống thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho và nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm giá.

5. Phương pháp kế toán tài sản cố định

Tài sản cố định

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Những chi phí cải tạo và làm mới thì được ghi vào tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của các tài sản cố định. Thời gian khấu hao được áp dụng phù hợp với khung thời gian sử dụng các loại tài sản cố định được ban hành theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao của các tài sản như sau:

Văn phòng nhà xưởng	05 - 20 năm
Máy móc thiết bị	05 - 08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 07 năm
Thiết bị quản lý	05 năm
Tài sản khác	04 - 07 năm

6. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của một hay nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Các khoản phải trả thương mại

Các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 01 (một) năm hoặc dưới một chu kỳ kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 (một) năm hoặc trên một chu kỳ kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

8. Thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Công ty phải nộp thuế TNDN theo mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

19
H
E
IG
OÁN
NG
A

**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B09 - DN

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2016

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

9. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty và người lao động là nhân viên của Công ty đóng góp cho quỹ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo các tỷ lệ dựa trên lương hợp đồng như sau:

Chỉ tiêu	BHXH	BHYT	BHTN	Cộng
Công ty	18%	3%	1%	22%
Người lao động	8%	1,5%	1%	10,5%
Cộng	26%	4,5%	2%	32,5%

Quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được cơ quan bảo hiểm xã hội quản lý và chi trả cho người lao động theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

11. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau :

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Chi phí tài chính

Những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh.

001-C
NH
TAM
TNH
DINH GI
3-T.D.K
10 CH

**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B09 - DN

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2016

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO KỶ KẾ TOÁN KẾT THÚC VÀO NGÀY 31/12/2016

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2016</u>		<u>01/01/2016</u>
Tiền mặt bằng Tiền Việt Nam	2.156.234.457		1.952.040.334
Tiền gửi Ngân hàng bằng đồng Việt Nam	97.114.166.496	(i)	82.723.899.641
Tiền gửi Ngân hàng bằng đồng Ngoại tệ	491.852.116	(ii)	271.137.170
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	16.500.000.000		1.000.000.000
	116.262.253.069		85.947.077.145
(i) Tiền gửi Ngân hàng bằng đồng Việt Nam	97.114.166.496		
TK số 6222201001011 tại Agribank (CN Quận 5)	18.777.841.034		
TK số 6222201132243 tại Agribank (CN Quận 5)	50.203.950.667		
TK số 102010000103765 tại Vietinbank (CN 1 HCM)	21.104.330.025		
TK số 0010106186710002 tại SCB CN Cống Quỳnh	1.846.139.042		
TK số 2011103226006 tại MB bank CN Bắc Sài Gòn	79.211.663		
TK số 0687041054999 tại NH Bản Việt - Trụ sở chính	4.492.318		
TK số 6222201009401 tại Agribank - CN Q.5	1.387.605.821		
TK số 0020100000095002 tại OCB - CN BT	289.648.390		
TK số 0010106058330001 tại SCB - CN Cống Quỳnh	347.564.571		
TK số 102010000628240 tại VietinBank	68.088.803		
TK số 102010001554168 tại VietinBank	1.806.473		
TK số 0071000011801 tại Vietcombank	1.643.071		
TK số 6222201002095 tại AgriBank	1.595.467.713		
TK số 6222630025740 tại AgriBank	300.000.000		
TK số 102010000118255 tại Vietinbank	1.106.376.905		
(ii) Tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ	491.852.116		
TK số 6222201001057 Tại Agribank (CN Quận 5)	114.903.800	#	4.466,62 USD
TK số 6222201001483 Tại Agribank (CN Quận 5)	7.050.277	#	36.224 JPY
TK số 6222201006832 Tại Agribank (CN Quận 5)	320.494.490	#	13.393 EUR
TK số 102020000012972 Tại Vietinbank (CN1 HCM)	23.345.180	#	907,49 USD
TK USD số 6222201002116 tại AgriBank	15.733.654	#	692,9 USD
TK EUR số 6222201006826 tại AgriBank	101.703	#	4,25 EUR
TK JPY số 6222201002565 tại AgriBank	516.937	#	2.656,00 JPY
TK USD số 71370314410 tại Vietcombank	9.706.075	#	427,11 USD

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

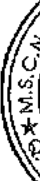
Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính	31/12/2016		01/01/2016			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Vốn góp liên doanh	114.565.470.646	-	114.565.470.646	131.301.390.646	3.144.418.726	128.156.971.920
Công ty TNHH MTV Vật Phẩm Văn Hóa Sài Gòn	8.000.000.000	-	8.000.000.000	8.000.000.000	-	8.000.000.000
Công ty CP TT Điện Ảnh	29.095.730.646	-	29.095.730.646	29.095.730.646	-	29.095.730.646
Công ty CP In số 4	5.400.000.000	-	5.400.000.000	5.400.000.000	-	5.400.000.000
Công ty CP In số 7	13.500.000.000	-	13.500.000.000	13.500.000.000	-	13.500.000.000
Công ty TNHH TMDV VH Minh Châu	4.608.000.000	-	4.608.000.000	4.608.000.000	-	4.608.000.000
Công ty TNHH Hakuho - Sac	5.943.120.000	-	5.943.120.000	5.943.120.000	-	5.943.120.000
Công ty TNHH Hakuho Việt Nam	3.124.500.000	-	3.124.500.000	3.124.500.000	-	3.124.500.000
Công ty CP Bao Bì Vafaco	1.890.000.000	-	1.890.000.000	1.050.000.000	-	1.050.000.000
Công ty CP Cơ khí Ngành In		-	-	7.740.000.000	-	7.740.000.000
Công ty CP Phát hành sách Tp.HCM	29.629.320.000	-	29.629.320.000	24.999.740.000	-	24.999.740.000
Công ty CP VHITH Hưng Phú		-	-	6.000.000.000	1.822.907.196	4.177.092.804
Công ty CP In Khánh Hội		-	-	2.320.000.000	1.321.511.530	998.488.470
Công ty CP In & Vật tư Sài Gòn	4.200.000.000	-	4.200.000.000	4.200.000.000	-	4.200.000.000
Công ty CP In Gia Định	4.000.000.000	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Công ty CP Nhiếp Ảnh & DV VH Tp.HCM		-	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Công ty CP Quảng cáo Sài Gòn	1.400.000.000	-	1.400.000.000	1.400.000.000	-	1.400.000.000
Công ty CP TMDV VH Thanh Trúc	1.500.000.000	-	1.500.000.000	3.480.000.000	-	3.480.000.000
Công ty CP In Vườn Lài		-	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre		-	-	1.165.500.000	-	1.165.500.000
Công ty CP In Hoàng Lê Kha - Tây Ninh	2.274.800.000	-	2.274.800.000	2.274.800.000	-	2.274.800.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.751.190.000	-	15.751.190.000	23.120.355.179	-	23.120.355.179
Công ty CP In & TM Vina		-	-	7.350.000.000	-	7.350.000.000
Công ty CP Mỹ Thuật Sài Gòn	100.000.000	-	100.000.000	100.000.000	-	100.000.000
Công ty TNHH Quả Cầu Vàng	13.104.000.000	-	13.104.000.000	13.104.000.000	-	13.104.000.000
Công ty CP Sách & DV VH Tây Đô	2.547.190.000	-	2.547.190.000	2.547.190.000	-	2.547.190.000
Công ty Phương Na		-	-	19.165.179	-	19.165.179
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	500.000.000		500.000.000			
Tiền gửi kỳ hạn 15 tháng tại SCB	500.000.000		500.000.000			



**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B09 - DN

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2016

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Phải thu của thương mại

a. Ngắn hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Trả trước cho người bán	2.980.292.356	17.963.108.056
Phải thu khách hàng ngắn hạn	103.547.907.542	175.553.165.899
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(13.690.295.984)
	<u>106.528.199.898</u>	<u>179.825.977.971</u>

b. Dài hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Trả trước cho người bán	32.184.251.822	32.184.251.822
Phải thu khách hàng dài hạn	8.086.521.975	64.646.950
	<u>40.270.773.797</u>	<u>32.268.898.772</u>

4. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Tạm ứng	952.326.620	1.010.191.346
Phải thu về cổ phần hóa	236.849.087	134.408.727
Phải thu khác	39.781.585.037	16.144.657.953
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.364.237.000	5.253.134.010
	<u>42.334.997.744</u>	<u>22.542.392.036</u>

b. Dài hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Phải thu về cho vay dài hạn	-	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	33.889.366.858	32.000.000
Phải thu dài hạn khác	761.634.820	3.141.670.117
	<u>34.651.001.678</u>	<u>3.173.670.117</u>

5. Tài sản thiếu chờ xử lý

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Hàng tồn kho	-	1.117.039.735

6. Nợ xấu

*** Công ty XNK ngành In**

Nợ xấu	31/12/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Nợ khó đòi	2.297.206.480	-	-
- Công ty TNHH Phát triển bao bì Đông Dương	254.783.297		-
- Công ty CP In Trần Hưng	380.000.000		
- Công ty TNHH TV SX TM Thủy Nguyệt	529.999.886		
- Công ty TNHH MTV Thái Thăng	285.158.968		
- Công ty TNHH MTV In Ấn Bao Bì Lê Gia	276.462.935		
- Khách hàng khác	570.801.394		
Nợ không có khả năng thu hồi	850.705.122	-	-
- Nguyễn Quốc Hưng	82.640.000		
- DNTN Nghiệp Thuận Xương	138.850.980		
- Khách hàng khác	629.214.142		

CHÍNH MIỀN
CÔNG T
ỀM TOÁN V
THĂNG L
VAP-TP

**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B09 - DN

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2016

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

*** Công ty In Văn Hóa**

Nợ xấu	31/12/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Nợ không có khả năng thu hồi	4.635.276.537	-	-
Công ty TNHH SX & TMBBVPVHXD Minh Việt Long	184.854.900		-
Công ty CP Hệ Thống Lọc Tài	261.592.258		
Công ty CP DV TM & Quảng Cáo Sta	413.163.268		
Công ty TNHH MTV Trần Chung Á Châu	371.273.352		
NXB Phương Đông	154.715.500		
Công ty Prime Resources Media-->CTY TNHH V&T	339.455.602		
Phân xưởng II Đào Duy Từ 1998	168.158.000		
Phải thu khách hàng in 6	916.568.640		
khách hàng khác	1.104.364.323		
Phải thu khác 138	721.130.694		

*** Văn phòng Tổng Công ty**

Nợ xấu và nợ quá hạn	31/12/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu	Dự phòng
Tổng giá trị các khoản phải thu khó đòi:	31.061.647.684	-	-
XN In số 3 chuyển về	806.393.296		-
Công ty Vật Phẩm Văn Hóa chuyển về	271.444.562		-
Công ty CP Phát triển Bất Động Sản HI TIỀN LAND	3.193.379.674		-
Công ty TNHH TMDV Phụng Sơn	608.998.840		-
Công Ty CP Đầu tư Đô thị á Châu	330.000.000		-
Công Ty CP Mai Lan	1.219.423.953		-
Nguyễn thị Kim Liên	58.500.000		
CT CP Văn hóa tổng hợp Cà Mau	12.580.000		
Cty CP Quốc Tế Hoa Việt	549.725.000		
CTy TNHH Hà Phương	4.064.000		
CT TNHH Công nghệ A.N.S.I	11.087.400		
Công ty Cổ phần CT Phương Nam	22.855.550.959		
CN Cty TNHH DV TV Tài chính kế toán & kiểm toán	16.500.000		
Công Ty CP XD số 5	1.124.000.000		
		-	-

7. Hàng tồn kho

	31/12/2016	01/01/2016
Nguyên liệu, vật liệu	4.231.748.205	6.185.829.216
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.980.704.145	11.272.142.788
Thành phẩm	3.097.745.013	2.945.410.483
Giá mua hàng hóa	61.779.586.398	31.735.620.365
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(150.814.045)	(652.963.522)
	79.938.969.716	51.486.039.330

**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B09 - DN

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2016

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>31/12/2016</u>		<u>01/01/2016</u>
Mua sắm TSCĐ	335.720.000		335.720.000
Xây dựng cơ bản dở dang	20.392.223.668 (i)		368.801.401.188
	<u>20.727.943.668</u>		<u>369.137.121.188</u>
(i) Chi tiết xây dựng cơ bản dở dang	<u>31/12/2016</u>		<u>01/01/2016</u>
Công trình 59-61 Pasteur	-		354.276.201.879
Công trình 62 Trần Quang Khải	11.399.487.850		6.257.643.491
Công trình 30-32 Yersin	3.468.299.455		2.642.210.364
Công trình 1557 đường 3/2	4.565.063.636		-
Công trình khác	959.372.727		5.625.345.454
	<u>20.392.223.668</u>		<u>368.801.401.188</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	58.761.331.538	79.206.969.388	6.640.883.254	12.340.068.079	156.949.252.259
Mua trong năm		8.505.514.673	337.074.182		8.842.588.855
Đầu tư xây dựng cơ	345.865.340.970				345.865.340.970
Thanh lý, nhượng bán		(4.872.802.438)	(578.737.590)		(5.451.540.028)
Số dư cuối năm	<u>404.626.672.508</u>	<u>82.839.681.623</u>	<u>6.399.219.846</u>	<u>12.340.068.079</u>	<u>506.205.642.056</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	25.163.791.508	42.141.379.663	4.833.559.863	10.277.315.986	82.416.047.020
Khấu hao trong năm	10.773.447.317	6.497.254.512	523.843.047	996.457.930	18.791.002.806
Thanh lý, nhượng bán		(3.639.770.684)	(542.874.093)		(4.182.644.777)
Số dư cuối năm	<u>35.937.238.825</u>	<u>44.998.863.491</u>	<u>4.814.528.817</u>	<u>11.273.773.916</u>	<u>97.024.405.049</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	33.597.540.030	37.065.589.725	1.807.323.391	2.062.752.093	74.533.205.239
Tại ngày cuối năm	<u>368.689.433.683</u>	<u>37.840.818.132</u>	<u>1.584.691.029</u>	<u>1.066.294.163</u>	<u>409.181.237.007</u>

Tăng TSCĐ là tòa nhà khách sạn 59-61 Pasteur theo hợp đồng hợp tác với Sài Gòn Quê Hương Liberty (Theo trị giá đã quyết toán của khách sạn Quê Hương Liberty và công ty kiểm toán AISC.

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	60.000.000	60.000.000
Số dư cuối năm	<u>60.000.000</u>	<u>60.000.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	60.000.000	60.000.000
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>60.000.000</u>	<u>60.000.000</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>

**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B09 - DN

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2016

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

11. Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.095.391.577	1.359.742.452

b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.384.186.164	13.856.678.842

12. Vay và thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	84.013.741.732	114.366.377.468

b. Dài hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Vay dài hạn ngân hàng	4.828.000.000	7.240.000.000
Nợ thuê tài chính	-	-
	<u>4.828.000.000</u>	<u>7.240.000.000</u>

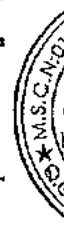
13. Phải trả nhà cung cấp

a. Ngắn hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Phải trả cho nhà cung cấp	28.776.837.394 (l)	32.380.920.024
Người mua trả tiền trước	3.114.460.261	6.217.631.360
	<u>31.891.297.655</u>	<u>38.598.551.384</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Các loại thuế	Số phải thu, đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	85.869.635	529.090.465	549.035.620		65.924.480
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-		22.393.897.866	22.393.897.866	-	
Thuế xuất, nhập khẩu			25.481.526.100	25.481.526.100		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.333.261.904		298.739.280	2.731.219.039	3.765.741.663	
Thuế thu nhập cá nhân	364.477.349	12.712.000	306.417.132	27.186.373	85.883.590	13.349.000
Thu trên vốn	800.574.741				800.574.741	-
Thuế môn bài			22.500.000	22.500.000		
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	713.121.216	5.619.952	39.669.546.343	39.952.910.907	990.865.828	-
Các loại thuế khác		500.000	162.010.606	162.010.606		500.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	160.433.793	1.070.147.699	1.230.581.492		-
Cộng	3.211.435.210	265.135.380	89.933.875.491	92.550.868.003	5.643.065.822	79.773.480



**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B09 - DN

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2016

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

a. Ngắn hạn

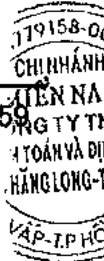
	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Phải trả tiền, phải nộp khác	1.642.234.664	1.127.501.336
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	292.000.000	162.000.000
Quỹ khen thưởng	1.614.819.404	2.048.985
Quỹ phúc lợi	421.069.994	130.963.399
Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	262.215.927	18.631.052
	<u>4.232.597.347</u>	<u>1.441.342.544</u>

b. Dài hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Phải trả phải nộp khác	405.246.486.030	391.736.202.282
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.537.100.000	6.286.600.000
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	1.000.000.000	500.000.000
	<u>411.783.586.030</u>	<u>398.522.802.282</u>

16. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Doanh thu nhận trước	3.534.702.196	3.735.200.159



**TỔNG CÔNG TY VẠN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09 - DN

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

17. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lãi(Lỗ) tích lũy	Cộng
Số dư đầu năm trước	383.487.091.499	16.499.022.073	26.208.738.086	45.527.621.081	12.960.314.372	484.682.787.111
Tăng vốn trong năm trước	20.508.197.989					20.508.197.989
Lãi trong năm trước			6.549.619.421	2.790.066.980	23.455.621.142	23.455.621.142
Tăng khác	(29.954.378.563)	(16.235.791.220)		(238.805.253)	(36.292.940.642)	9.339.686.401
Giảm vốn trong năm trước						(46.190.169.783)
Giảm khác				48.078.882.808	122.994.872	(36.531.745.895)
Số dư cuối năm trước	374.040.910.925	263.230.853	32.758.357.507	48.078.882.808	122.994.872	455.264.376.965
Số dư đầu năm nay	374.040.910.925	263.230.853	32.758.357.507	48.078.882.808	122.994.872	455.264.376.965
Tăng vốn trong kỳ	20.126.722.499					20.126.722.499
Lãi trong năm nay			8.351.256.425	2.368.255.900	30.027.425.863	30.027.425.863
Tăng khác			(20.126.722.499)	(11.000)	(21.942.059.854)	10.719.512.325
Giảm khác						(42.068.793.353)
Số dư cuối năm nay	394.167.633.424	263.230.853	20.982.891.433	50.447.127.708	8.208.360.881	474.069.244.299

Chỉ tiết khoản giảm khác:

Nộp lợi nhuận quý 4/2015

Nộp lợi nhuận quý 1,2/2016

Quỹ khen thưởng

Quỹ phúc lợi

Quỹ thưởng ban điều hành quản lý

Quỹ đầu tư phát triển

21.942.059.854

7.836.699.670

2.251.157.071

2.111.858.980

1.114.608.433

276.479.275

8.351.256.425

**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B09 - DN

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2016

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2016</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	418.912.585.934

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm 2016</u>
Hàng bán bị trả lại	342.428.887
Giảm giá hàng bán	34.993.651
	<u>377.422.538</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2016</u>
Giá vốn thành phẩm đã bán	
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	339.054.795.690
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(502.149.477)
	<u>338.552.646.213</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2016</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.402.623.265
Lãi bán các khoản đầu tư	29.737.915.500
Cổ tức, lợi nhuận được chia	35.143.177.611
Lãi chênh lệch tỷ giá	64.823.851
Lãi bán hàng trả chiết khấu thanh toán	339.643.250
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.782.644.376
	<u>68.470.827.853</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm 2016</u>
Lãi tiền vay	6.852.904.717
Lỗ chênh lệch tỷ giá	20.266.510
Chi phí tài chính khác	2.773.514.369
Hoàn nhập dự phòng	(3.144.418.726)
	<u>6.502.266.870</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm 2016</u>
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	1.982.882.514
Thu dự án 40 Ngô Đức Kế	5.000.000.000
Thu dự án 369 Lê Văn Sỹ	86.212.249
Thu hoàn dự án 62 Trần Quang Khải	-
Thu dự án 30 -32 Yersin	
Các khoản thu nhập khác	3.747.339.279
	<u>10.816.434.042</u>



**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B09 - DN

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2016

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

7. Chi phí khác

	<u>Năm 2016</u>
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ do thanh lý, nhượng bán	1.248.718.986
Tiền phạt	20.116.080.370
Các khoản chi nộp phạt	227.148.166
	<u><u>21.591.947.522</u></u>

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý

a. Chi phí bán hàng

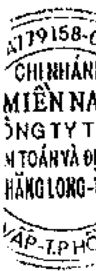
	<u>Năm 2016</u>
Chi phí nhân viên	6.839.223.647
Chi phí vật liệu, bao bì	175.970.636
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	158.918.579
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.300.750.153
Chi phí bảo hành	1.800.325.151
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.251.242.000
Chi phí bằng tiền khác	1.428.448.524
	<u><u>17.954.878.690</u></u>

b. Chi phí quản lý

	<u>Năm 2016</u>
Chi phí nhân viên quản lý	20.599.285.197
Chi phí vật liệu quản lý	5.521.629
Chi phí đồ dùng văn phòng	112.535.034
Chi phí khấu hao TSCĐ	13.175.989.816
Thuế, phí và lệ phí	39.832.440.110
Chi phí dự phòng	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.801.670.218
Chi phí bằng tiền khác	11.598.447.996
Hoàn nhập dự phòng	(6.074.200.627)
	<u><u>83.051.689.373</u></u>

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm 2016</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	292.586.440.343
Chi phí nhân công	32.618.195.676
Chi phí khấu hao TSCĐ	18.791.002.806
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.896.827.704
Chi phí bằng tiền khác	49.442.766.643
	<u><u>433.335.233.172</u></u>



**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B09 - DN

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2016

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Chi phí thuế TNDN tạm tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	141.570.760	2.434.575.894

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Huỳnh Thanh Tường Khanh

Ngày 31 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám Đốc

Trương Văn Hiến